

Phụ lục I

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VÀ MÃ
VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG
CHỈ CHUYÊN MÔN

1. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng
Mặt ngoài Mặt trong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUỐC
HUY

GIẤY CHỨNG NHẬN
KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN
THUYỀN TRƯỞNG
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Hình mô neo)

AC 00000000

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạng: (1).....

Ảnh 2x3 cm
(đóng dấu nổi),
ảnh chụp
không quá
06 tháng.

Họ và tên: (2).....
Ngày sinh: (3).....
Nơi cư trú: (4).....
.....
(5)..... ngày tháng năm (6)
Chức danh người ký (7)

Số: (9)
Cấp tài liệu: (10)
Có giá trị đến: (11)

Tên người ký (8)

2. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng
Mặt ngoài Mặt trong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUỐC
HUY

GIẤY CHỨNG NHẬN
KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN
MÁY TRƯỞNG
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Hình mô neo)

BC 00000000

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạng: (1).....

Ảnh 2x3 cm
(đóng dấu nổi),
ảnh chụp
không quá
06 tháng.

Họ và tên: (2).....
Ngày sinh: (7).....
Nơi cư trú: (4).....
.....
(5)..... ngày tháng năm (6)
Chức danh người ký (7)

Số: (9)
Cấp tài liệu: (10)
Có giá trị đến: (11)

Tên người ký (8)

3. Mẫu chứng chỉ chuyên môn
Mặt ngoài Mặt trong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUỐC
HUY

CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Hình mô neo)

CC 00000000

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạng: (1).....

Ảnh 2x3 cm
(đóng dấu nổi),
ảnh chụp
không quá
06 tháng.

Họ và tên: (2).....
Ngày sinh: (3).....
Nơi cư trú: (4).....
.....
(5)..... ngày tháng năm (6)
Chức danh người ký (7)

Số: (9)
Cấp tài liệu: (10)

Tên người ký (8)

4. Nội dung giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

(1): Hạng GCNKNCM, loại CCCM (T3, M3, LPT,...): phông chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(2): Họ và tên: ghi rõ họ, chữ đệm, tên, phông chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(3): Ngày sinh: ghi ngày, tháng, năm sinh, phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(4): Nơi cư trú: ghi xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố), phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(5): Tỉnh, thành phố: nơi cơ quan có thẩm quyền cấp, phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in nghiêng, cỡ chữ 8.

(6): Ngày.....tháng..... năm: ngày ký cấp GCNKNCM, phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(7): Chức danh người ký: phông chữ Times New Roman chữ hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(8): Tên người ký: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên, phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(9): Số thứ tự của GCNKNCM, CCCM và mã hiệu vùng của cơ quan cấp, phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm cỡ chữ 10.

- Số thứ tự: đánh số theo tuần tự bắt đầu từ số 000000 01;

- Mã hiệu vùng của GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Mục II của Phụ lục này:

+ GCNKNCM, CCCM do Sở Giao thông vận tải cấp ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 AG; Số CCCM: 00000001 AG

+ GCNKNCM, CCCM do cơ sở đào tạo cấp ghi tên viết tắt của cơ sở đào tạo và ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 ĐTLHD; Số CCCM: 00000001 ĐTILSG

(10): Cấp lần đầu: ghi ngày/tháng/năm của GCNKNCM, CCCM đã được cấp lần đầu tiên; phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(11): Có giá trị đến: phông chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8. Nếu người có GCNKNCM có tuổi lao động ngắn hơn 5 năm thì ghi hạn đến ngày (tháng) sinh nhật.

5. Chất liệu, kích thước, hoa văn, màu sắc

a) Phôi GCNKNCM thuyên trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

b) Phôi GCNKNCM máy trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mô neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

c) Phôi chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mô neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

d) Phôi chứng chỉ chuyên môn đặc biệt được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mô neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

II. MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng	STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng
1	An Giang	AG	33	Kiên Giang	KG
2	Bạc Liêu	BL	34	Lạng Sơn	LS
3	Bắc Kạn	BC	35	Lai Châu	LC
4	Bắc Giang	BG	36	Lâm Đồng	LD
5	Bắc Ninh	BN	37	Lào Cai	LK
6	Bà Rịa-Vũng Tàu	BV	38	Kon Tum	KT
7	Bến Tre	BTr	39	Long An	LA
8	Bình Dương	BD	40	Nam Định	ND
9	Bình Định	BĐ	41	Nghệ An	NA
10	Bình Thuận	BTh	42	Ninh Bình	NB
11	Bình Phước	BP	43	Ninh Thuận	NT
12	Cà Mau	CM	44	Phú Thọ	PT
13	Cần Thơ	CT	45	Phú Yên	PY
14	Cao Bằng	CB	46	Quảng Bình	QB
15	Đà Nẵng	ĐNa	47	Quảng Nam	QNa
16	Đắk Lắk	DL	48	Quảng Ngãi	QNg
17	Đắk Nông	ĐNô	49	Quảng Ninh	QN
18	Điện Biên	ĐB	50	Quảng Trị	QT
19	Đồng Nai	ĐN	51	Sóc Trăng	ST
20	Đồng Tháp	ĐT	52	Sơn La	SL
21	Gia Lai	GL	53	Tây Ninh	TN
22	Hà Giang	HG	54	Thái Bình	TB
23	Hà Nam	HNa	55	Thái Nguyên	TNg
24	Hà Nội	HN	56	Thanh Hóa	TH
25	Hà Tĩnh	HT	57	Thừa Thiên Huế	TTH
26	Hải Dương	HD	58	Tiền Giang	TG
27	Hải Phòng	HP	59	Trà Vinh	TV
28	Hậu Giang	HGi	60	Tuyên Quang	TQ
29	Hòa Bình	HB	61	Vĩnh Long	VL
30	TP. Hồ Chí Minh	SG	62	Vĩnh Phúc	VP
31	Hưng Yên	HY	63	Yên Bái	YB
32	Khánh Hòa	KH			

Phụ lục II

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỀ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo số 1:
Thời gian học:.....
Khai giảng ngày:.....
Bế giảng ngày:.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỀ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI CƯ TRÚ	SỐ CMND (CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, HỘ CHIẾU), NƠI CẤP, NGÀY CẤP	TRÌNH ĐỘ VĂN HOÁ ^(*)	SỐ/HẠNG/LOẠI GCNKNCM, CCCM CŨ, NGÀY CẤP	THỜI GIAN NGHIỆP VỤ	DỰ THI, KIỂM TRA LẤY GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
1	Theo thứ tự abc ^(**)								
2									
3									
4									
...									

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐỪNG ĐÁU CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

^(*) Chỉ áp dụng với trường hợp dự thi lấy GCNKNCM thuyên trưởng, máy trưởng hạng nhất (T1, M1).

^(**) Theo thứ tự abc trong bảng chữ cái tiếng Việt.

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BẢO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Từ ngày.....tháng..... năm..... đến ngày.....tháng..... năm.....)

PHÂN PHỐI THỜI GIAN
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

STT	MÃ MÔN HỌC, MÔĐUN	TÊN MÔN HỌC, MÔĐUN	GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY	PHÂN PHỐI THỜI GIAN (Giờ)				GHI CHÚ
				LT	TH	T (KT)	TS	
1								
2								
3								
4								
...								
TỔNG SỐ								

LỊCH HỌC TOÀN KHOÁ
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tháng																									
	Tuần																								
Từ ngày đến ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
	Phân giai đoạn																								
Lý thuyết.....																									
Thực hành.....																									
Thi, kiểm tra.....																									
Nghỉ, dự phòng...																									

Giải thích các từ viết tắt:

LT

TH

T

KT

TS

Lý
thuyết

Thực
hành

Thi

Kiểm
tra

Tổng
số

Phụ lục IV

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo số 2:

Thời gian học:.....

Khởi giảng ngày:.....

Bế giảng ngày:.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI CƯ TRÚ	SỐ CMND (CĂN CUỘC CÔNG DÂN, HỘ CHIẾU), NƠI CẤP, NGÀY CẤP	ĐIỂM THI, KIỂM TRA CÁC MÔN				KẾT QUẢ		GHI CHÚ	
					Đạt	Không đạt		
1	Theo thứ tự ABC											
2												
3												
4												
...												

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐÚNG ĐÀU CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục V
QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập hội đồng thi, kiểm tra cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn
thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
Số...../QĐ-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng..... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng thi, kiểm tra để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn
thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-...ngày.../.../....của.....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BGTVT ngày...../...../20 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Xét Tờ trình số.../...ngày.../.../... của...về việc đề nghị.....tổ chức Hội đồng thi, kiểm tra cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thi, kiểm tra để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày.....tháng.....năm...tại.....(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi, kiểm tra thành lập Ban coi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra và chỉ đạo thực hiện kỳ thi, kiểm tra theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng được phép sử dụng con dấu củatrong thời gian tổ chức kỳ thi, kiểm tra cấp GCNKNCM, CCCM phương tiện thủy nội địa.

Điều 4......,, và các ông (bà) có tên trong danh sách Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA
ĐỀ CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20...)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG
1			Chủ tịch
2			Phó Chủ tịch
3			Ủy viên
...			...
7			Ủy viên Thư ký

Phụ lục VI
LỊCH THI, KIỂM TRA
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, MẦY TRƯỞNG, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH THI, KIỂM TRA
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
 (tại.....tổ chức từ ngày...../20.....đến ngày...../20.....)

STT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN CƠI THI, CHẤM THI, CỎI KIỂM TRA, CHẤM KIỂM TRA	THUYỀN TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)		MẦY TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)		CCCM (Loại, số thí sinh)
		Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	
1						...
2						
3						
...						

Thời gian thi:

Sáng: Từ.....giờ.....đến.....giờ.....

Chiều: Từ.....giờ.....đến.....giờ.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VII
KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số **40** /2019/TT-BGTVT ngày **15** tháng **10** năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

MÔN THI, KIỂM TRA:.....

HỌ VÀ TÊN GIÁM KHẢO:

1.....

2.....

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐỀ THI, KIỂM TRA	ĐIỂM	KẾT QUẢ		CHỮ KÝ	GHI CHÚ
					Đạt	Không đạt		
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
...								

GIÁM KHẢO 1
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM KHẢO 2
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VIII

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CƠ QUAN CÓ THÂM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Báo cáo số 3:

Thời gian học:.....

Khai giảng ngày:.....

Bế giảng ngày:.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI CƯ TRÚ	SỐ CMND (CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, HỘ CHIẾU), NƠI CẤP, NGÀY CẤP	ĐIỂM THI, KIỂM TRA CÁC MÔN				KẾT QUẢ		LOẠI C/NK/M, C/CCM	GHI CHÚ
					Đủ	Không đủ		
1	Theo thứ tự abc											
2												
3												
...												

THỦ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Phụ lục IX
BIÊN BẢN**

HỢP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ NHẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN

HỢP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ NHẤT

Thi hành Quyết định số.../QĐ-... ngày.../.../200... của về việc tổ chức Hội đồng thi, kiểm tra đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tại.....

Phiên họp bắt đầu hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....

Chủ trì: ông (bà)..... - Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra.

NỘI DUNG

I. THỦ TỤC:

1. Có mặt:.../....

2. Vắng mặt:.....

3. Chủ tịch Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng thi, kiểm tra và quán triệt các nguyên tắc cơ bản về thi, kiểm tra đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa.

II. SỐ LƯỢNG THÍ SINH:

Theo Hồ sơ được duyệt và kết quả đào tạo, tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra:.....thí sinh.

- Thuyền trưởng hạng nhất:.....thí sinh.

- Thuyền trưởng hạng nhì:.....thí sinh.

- Thuyền trưởng hạng ba:.....thí sinh.

- Thuyền trưởng hạng tư:.....thí sinh.

- Máy trưởng hạng nhất:....thí sinh.

- Máy trưởng hạng nhì:....thí sinh.

- Máy trưởng hạng ba:....thí sinh.

- Chứng chỉ chuyên môn:.... thí sinh.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA:

1. Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách chỉ đạo chung suốt quá trình thi, kiểm tra.
2. Phó Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kỳ thi, kiểm tra, cử cán bộ làm công tác an ninh trật tự, an toàn trong khu vực thi, kiểm tra.
3. Trưởng ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra: ông (bà)....., giúp Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra phân công giám khảo coi thi, chấm thi, lập kế hoạch thi, kiểm tra.
4. Phó Trưởng ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra: ông (bà)..... giúp việc Trưởng ban.
5. Ủy viên Thư ký: ông (bà)...., giúp việc Chủ tịch Hội đồng, hoàn chỉnh các văn bản kỳ thi, kiểm tra và kiểm tra tính đầy đủ về hồ sơ dự thi, kiểm tra của các thí sinh.
6. (Cơ sở đào tạo) tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý đối với toàn bộ hồ sơ dự thi, kiểm tra của các thí sinh.
7. Các uỷ viên khác: kiểm tra các điều kiện thi, kiểm tra; tham gia coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra; theo dõi tình hình diễn biến kỳ thi, kiểm tra và kịp thời phản ánh về Hội đồng các vấn đề bất thường có liên quan.

IV. KẾ HOẠCH THI, KIỂM TRA:

Khai mạc vào hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....

Ngày, giờ thi, kiểm tra các môn có lịch cụ thể kèm theo.

Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí.

Phiên họp kết thúc hồi.....giờ....., ngày....tháng....năm 20...

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Phụ lục X
BIÊN BẢN**

HỌP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ HAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ HAI**

Thi hành Quyết định số.../QĐ-.... ngày.../.../200... của về việc tổ chức Hội đồng thi, kiểm tra đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tại.....

Phiên họp bắt đầu hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....

Chủ trì: ông (bà)..... - Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra.

NỘI DUNG

I. XÉT KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA:

- Tổng số thí sinh đăng ký:...thí sinh
- Số thí sinh dự thi, kiểm tra:...thí sinh
- Số thí sinh không dự thi, kiểm tra:...thí sinh
- Các vấn đề vướng mắc có liên quan đã giải quyết.

KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM	THI LÝ THUYẾT			THI THỰC HÀNH			KẾT QUẢ	
	Tổng số	Đạt	Không đạt	Tổng số	Đạt	Không đạt	Đỗ	Không đỗ
T1								
T2								
T3								
T4								
M1								
M2								
M3								
CCCM								

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:
-
-
-

2. Nhược điểm:.....

.....
.....

3. Các kiến nghị:.....

.....
.....

Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí. Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)..... xem xét, quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho học viên.

Phiên họp kết thúc hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Phụ lục XI
QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn
thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

Số...../QĐ-.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn
thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-...ngày.../.../...của...quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BGTVT ngày...../...../20... của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng
nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương
tiện thủy nội địa;

Theo biên bản kết quả của Hội đồng thi, kiểm tra để cấp GCNKNCM
thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày...../...../.....tại.....;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp GCNKNCM thuyền trưởng,
máy trưởng, CCCM cho.....thí sinh (có danh sách kèm theo) đã đạt kết quả thi,
kiểm tra để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM
khóa..... tổ chức ngày...../...../.....tại:.....

Điều 2. ..., ..., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên
trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

DANH SÁCH CẤP GCNKNCM, CCCM

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày.....tháng.....năm.....của.....)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI CƯ TRÚ CỦA HỌC VIÊN	LOẠI, HẠNG GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
I. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				T1	
2				T1	
3				T1	
...				...	
II. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				T2	
2				T2	
3				T2	
...				...	
III. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA					
1				T3	
2				T3	
3				T3	
...				...	
IV. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ					
1				T4	
2				T4	
3				T4	
...				...	
V. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				M1	
2				M1	
3				M1	
...				...	
VI. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				M2	
2				M2	
3				M2	
...				...	
VII. MÁY TRƯỞNG HẠNG BA					
1				M3	
2				M3	
3				M3	
...				...	
VIII. CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN					
1				TT	
2				TM	
3				LPT	
...				...	

Phụ lục XII
SỔ CẤP, CẬP LẠI, CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

SỔ CẤP, CẬP LẠI, CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số GCNKNCM/CCCM Ngày vào sổ	Số seri	Họ và tên Ngày sinh	Nơi cư trú	Ảnh	Số GCNKNCM/ CCCM cũ	Ký nhận Ngày cấp
1	2	3	4	5	6	7

BÌA SỔ
(Bìa cứng dán giấy, dán góc bằng vải xanh)

<p>SỔ CẤP, CẬP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM PTTĐ</p> <p><i>Quyển số:.....</i></p>

**Phụ lục XIII
QUYẾT ĐỊNH**

Thành lập ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-HĐT, KT

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

Cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Thông tư số...../TT-BGTVT ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày...../...../.....của.....về việc thành lập Hội đồng thi, kiểm tra để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thi, kiểm tra,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày.....tháng.....năm.... tại.....(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra có nhiệm vụ thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng thi, kiểm tra, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HĐT, KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**BAN COI THI, CHĂM THI, COI KIỂM TRA, CHĂM KIỂM TRA CẤP
GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-HĐT, KT ngày...../...../20.....của Hội đồng thi, kiểm tra)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG BAN COI THI, CHĂM THI
I. COI THI, CHĂM THI THUYỀN TRƯỞNG			
1			Trưởng ban
2			Thành viên
3			Thành viên
...			...
II. COI THI, CHĂM THI MÁY TRƯỞNG			
1			Phó Trưởng ban
2			Thành viên
3			Thành viên
...			...
III. COI KIỂM TRA, CHĂM KIỂM TRA CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN			
1			Trưởng ban
2			Phó Trưởng ban
3			Thành viên
...			...

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp
không quá
06 tháng^(*)

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên tôi là:.....; Quốc tịch.....; Nam (Nữ)

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

Số CMND (hoặc Căn cước công dân, Hộ chiếu):.....đơn.....

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa:....., Trường:.....,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

TỪ.....ĐẾN.....	CHỨC DANH	NƠI LÀM VIỆC	SỐ PTTNĐ	GHI CHÚ

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

+ Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM:

+ Dự thi, kiểm tra cấp GCNKNCM, CCCM:

+ Xét cấp GCNKNCM, CCCM:

+ Cấp lại GCNKNCM, CCCM:

+ Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM:

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp).....cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ và tên)

^(*) 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng.

Phụ lục XV
MẪU DANH SÁCH
HỌC VIÊN THAM DỰ LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ CỎI THI, CHẤM THI,
CỎI KIỂM TRA, CHẤM KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Họ và tên	Chức vụ Đơn vị công tác	Ngành, loại, hạng cỏi thi, chấm thi, cỏi kiểm tra, chấm kiểm tra đã được công bố trước đó	Trình độ đào tạo		Ngành, loại, hạng cỏi thi, chấm thi, cỏi kiểm tra, chấm kiểm tra đăng ký dự tập huấn nghiệp vụ	Điện thoại, email, fax
				Văn bằng	Chuyên môn		
1							
2							
3							
...							

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Ghi chú:

- Nếu là tổ chức: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên.
- Nếu là cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên.

Phụ lục XVI
BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO
THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:
BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI CƯ TRÚ	THUYỀN TRƯỞNG			MÁY TRƯỞNG			CCCM			GCN	TỔNG SỐ	GHI CHÚ			
				T1	T2	T3	T4	M1	M2	M3	ATCB	TT				TM	LPT	...
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xếp theo vắn ABC																	
...																		
46																		
...																		
63																		
TỔNG SỐ																		

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Chú thích:
T1: thuyền trưởng hạng nhất.
T2: thuyền trưởng hạng nhì.
T3: thuyền trưởng hạng ba.
T4: thuyền trưởng hạng tư.
M1: máy trưởng hạng nhất.
M2: máy trưởng hạng nhì.
M3: máy trưởng hạng ba.

CCCM: chứng chỉ chuyên môn.
ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.
TT: chứng chỉ thủy thủ.
TM: chứng chỉ thợ máy.
LPT: chứng chỉ lái phương tiện.
GCN: giấy chứng nhận học tập pháp luật về Giao thông đường thủy nội địa.



Số: 13131/PT



PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính trình: Thứ trưởng Nguyễn Nhật

1. Cơ quan chủ trì trình: Vụ Tổ chức cán bộ.
2. Cơ quan phối hợp:
3. Trích yếu nội dung dự thảo văn bản trình: **Ban hành Thông tư quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.**
4. Tóm tắt nội dung công việc trình: *Trình Thứ trưởng ký ban hành Thông tư.*
5. Ý kiến của cơ quan chủ trì trình: *Cụ thể tại văn bản trình kèm theo.*
6. Mức độ khẩn, mật:
 - Mức độ khẩn: Hoả tốc Khẩn Thượng khẩn
 - Mức độ mật: Mật Tối mật Tuyệt mật
 - + Căn cứ đề xuất mức độ mật của văn bản:
7. Tài liệu kèm theo:

TT	Số, ký hiệu của văn bản	Ngày tháng năm của văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan ban hành
1		20/9/2019	Tờ trình Bộ trưởng (có bút phê của Bộ trưởng)	Vụ Tổ chức cán bộ
2			Dự thảo Thông tư đã chỉnh lý sau khi có báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế	Vụ Tổ chức cán bộ, Cục DTND Việt Nam
3	403/PC	18/9/2019	Báo cáo thẩm định, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế	Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục DTND Việt Nam
4			Bảng so sánh dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản hiện hành	Vụ Tổ chức cán bộ, Cục DTND Việt Nam
5			Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan và bản chụp ý kiến góp ý	Vụ Tổ chức cán bộ, Cục DTND Việt Nam
6			Báo cáo đánh giá tác động, bản tổng kết triển khai thực hiện	Vụ Tổ chức cán bộ, Cục DTND Việt Nam
7			Phiếu xin ý kiến của Thứ trưởng phụ trách	

8. Chữ ký của chuyên viên, lãnh đạo cơ quan chủ trì trình:

<p>CHUYÊN VIÊN</p>  <p>Lưu Ngọc Long</p>	<p>PHÓ VỤ TRƯỞNG</p>  <p>Trần Hoài An</p>
---	--

Ý kiến giải quyết của Thủ trưởng

Vay PC DS theo hạn trước
theo báo hành.

Ngày 2-10-2019